

Số: 2841/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 25 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2531/TTr-SNN ngày 04/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các thủ tục hành chính tại Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 và Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT.HĐND tỉnh; Ban PC HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng KSTTHC, HTh, DL.2.6



CHỦ TỊCH

Lê Đức Vinh



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Thủy lợi				
1	Thủ tục nhận hồ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) (BNN-KHA-288354)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	- Luật Thủy lợi; - Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; - Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
II	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
2	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản. (BNN-KHA-287783)	Ngày khi tiếp nhận hồ sơ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.	Không	- Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; - Thông tư số 15/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát

					<p>triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;</p> <p>- Quyết định số 3656/QĐ-BNN-KTHT ngày 06/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn.</p>
III	Lĩnh vực Lâm nghiệp				
3	<p>Đăng ký khai thác tận dụng gỗ rừng trồng bằng vốn tự đầu tư, khi chuyển sang trồng cao su của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư thôn. (BNN-KHA-287701)</p>	<p>10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì được khai thác theo bản đăng ký.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09/9/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ;</p> <p>- Quyết định số 2707/QĐ-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
4	<p>Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai</p>	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;</p>



<p>thác từ rừng tự nhiên. (BNN-KHA-287721)</p>	<p>(trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).</p>			<p>Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2015 Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT; - Quyết định số 2707/QĐ-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
<p>5 Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân. (BNN-KHA-287722)</p>	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp không phải xác minh). - Tối đa 05 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ).</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Quyết định số 39/2012/QĐ-TTg ngày 5/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý cây cảnh, cây bóng mát, cây cỏ thụ; - Quyết định số 2707/QĐ-TCLN ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

IV	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	<p>Xác nhận hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật. (BNN-KHA-287826)</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; - Thông tư số 48/2015/TT-BNNPTNT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chi tiết điều kiện hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật; - Quyết định số 4307/QĐ-BNN-BVTV ngày 24/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.</p>
V	Lĩnh vực Trồng trọt	<p>Thủ tục đăng ký chuyên đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa. (BNN-KHA-288193)</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p>	<p>Không</p>	<p>- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chi tiết Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang cây trồng lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai; - Quyết định số 4413/QĐ-BNN-TT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong lĩnh vực trồng trọt.</p>
7						

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ



Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố
1	T-KHA-265508-TT	Cấp số vết chạy đồng	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
2	T-KHA-265509-TT	Cho phép khai thác tận dụng rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
3	T-KHA-089762-TT	Cho phép khai thác, thu hái lâm sản trừ gỗ, tre nứa.	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
4	T-KHA-265510-TT	Cho phép khai thác gỗ rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh do chủ rừng tự bỏ vốn.	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
5	T-KHA-265511-TT	Cho phép khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng khoanh nuôi (để giải quyết nhu cầu gỗ gia dụng) khai thác các loại lâm sản phụ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.
6	T-KHA-265512-TT	Tiếp nhận hồ sơ hồ trợ ngư dân mua mới, đóng mới tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 90CV trở lên hoặc tàu cung ứng dịch vụ cho hoạt động khai thác hải sản.	Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

7	T-KHA-265513-TT	<p>Tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ ngư dân thay máy tàu sang loại máy để tiêu hao ít nhiên liệu hơn đối với tàu đánh bắt hải sản có công suất máy từ 40CV trở lên hoặc tàu dịch vụ phục vụ cho hoạt động khai thác hải sản.</p>	<p>Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.</p>
8	T-KHA-265514-TT	<p>Tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ kinh phí bảo hiểm thân tàu cho tàu đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ cho hoạt động khai thác thủy sản có công suất máy từ 40CV trở lên.</p>	<p>Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.</p>
9	T-KHA-265515-TT	<p>Tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ kinh phí bảo hiểm tai nạn thuyền viên cho các thuyền viên trên tàu cá đánh bắt hải sản, tàu dịch vụ phục vụ cho hoạt động khai thác hải sản.</p>	<p>Quyết định số 1512/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.</p>
10	T-KHA-265516-TT	<p>Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản.</p>	<p>Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố TTHC lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.</p>